

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST  
Ngày: 09-12-2021  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Anh Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Vinh và Ông Nguyễn Quốc Đồng.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: Tòa nhà Capital ToWer, số 109 đường T, quận H, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch - Giám đốc chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: số 1, đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

Người được ủy quyền lại: Bà Trương Nữ Linh Ch - Chuyên viên; địa chỉ: số 375 Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị Mai H, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần B, bà Trương Nữ Linh Ch trình bày:**

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, bà Trần Thị Mai H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Bình - Phòng giao dịch Ba Đồn để vay số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 8%/năm; thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày 02/02/2018 (Ngày bên vay bắt đầu nhận tiền) cho đến hết

ngày 02/02/2021; biện pháp bảo đảm là tín chấp. Quá trình trả nợ, bà H đã trả lãi và gốc cho đến ngày 11 tháng 6 năm 2019, sau đó từ ngày 12 tháng 7 năm 2019 thì bà H không tiếp tục trả, số nợ của bà H đã chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà H trả nợ nhưng bà H không trả. Do đó, nay phía Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 07 tháng 8 năm 2020 với số tiền gốc là 27.760.000 đồng, nợ lãi là 4.878.407 đồng, lãi phạt gốc + lãi phạt lãi là 1.560.688 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 34.199.095 đồng.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*- Về phía bị đơn bà Trần Thị Mai H:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến hòa giải nhiều lần nhưng bà H đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể tổ chức để các đương sự hòa giải được.

Tòa án tiến hành xác minh, kết quả xác minh như sau:

Tại Công an phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn xác định: bà Trần Thị Mai H có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; hiện bà H đi đâu, làm gì thì Ban Công an phường Quảng Phong không xác định được.

Tại Ủy ban nhân dân phường Quảng Phong xác định: Ủy ban nhân dân phường đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, gồm Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập của Tòa án và đã giao cho bà Phạm Thị T, mẹ chồng của bà H.

Tại nhà ở của bà Phạm Thị T (mẹ chồng của bà H); trú tại: Tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xác định: Vợ chồng bà H chuyển vào sinh sống tại tỉnh Quảng trị, địa chỉ cụ thể bà không biết; ông Th (con đẻ bà) thỉnh thoảng có đi về còn bà H thì không.

*- Tại phiên tòa:*

+ Ngân hàng B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt, không thể hiện thiện chí, đề xuất phương án trả nợ để thỏa thuận giải quyết vụ án.

+ Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

lần thứ hai đến phiên Tòa nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà H.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Liên Việt, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B số tiền vay gốc và lãi theo quy định.

Về án phí: Buộc bà H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định; hoàn trả cho Ngân hàng Liên Việt tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, quan điểm của Đại diện viện kiểm sát và đương sự tại phiên Tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về thẩm quyền quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện bà Trần Thị Mai H để yêu cầu trả số tiền vay gốc và lãi theo Hợp đồng mà hai bên đã ký kết, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án không có yếu tố nước ngoài, bà H có nơi cư trú tại Tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đối với việc bà Trần Thị Mai H vắng mặt tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà H vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thấy rằng: Vào ngày 02/02/2018, Giữa Ngân hàng B chi nhánh Quảng Bình, phòng giao dịch B với bà Trần Thị Mai H có ký với nhau một Hợp đồng tín dụng, theo đó bà H được phía Ngân hàng B cho vay với số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 8%/năm, hình thức vay tín chấp, thời hạn vay 36 tháng, phương thức trả nợ 01 tháng/kỳ kể từ ngày vay, trả định kỳ vào ngày 02 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 03/2018; 35 kỳ đầu, mỗi kỳ trả số tiền 1.390.000đồng (cả gốc và lãi), kỳ sau cùng trả số tiền 1.350.000đồng (cả gốc và lãi). Quá trình trả nợ, bà H trả đến kỳ thứ 16 là vào ngày 11/6/2019 thì đến kỳ trả tiếp theo trở về sau không tiếp tục trả nữa. Như vậy, việc bà H không tiếp tục trả gốc và lãi cho Ngân hàng B sau ngày 12/7/2019 là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên. Do đó, việc khởi kiện của Ngân hàng B yêu cầu thu hồi các khoản nợ đối với bà H là có căn cứ. Tính từ ngày 12/7/2019 đến ngày 09/12/2021, bà H còn nợ Ngân hàng B số tiền nợ gốc là 27.760.00 đồng, nợ lãi là 13.271.212 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 41.031.212 đồng; cần buộc bà H trả nợ số tiền này cho Ngân hàng B, việc khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí; bà Trần Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng

dân sự; Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm b Điều 1.3 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà Trần thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.051.561 đồng (Cách tính là 5% x 41.031.212 đồng = 2.051.561 đồng).

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn về giải quyết vụ án là phù hợp, có cơ sở nên cần chấp nhận.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm b Điều 1.3 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt bà Trần Thị Mai H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc bà Trần Thị Mai H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền vay gốc và tiền lãi tính từ ngày 12/7/2019 cho đến ngày 09/12/2021 với tổng số tiền 41.031.212 đồng (trong đó, tiền vay gốc là 27.760.000 đồng, tiền lãi là 13.271.212 đồng).

Tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (09/12/2021) bà Trần Thị Mai H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD4532018892 ngày 02/02/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành*

*án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**3. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Trần Thị Mai H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 2.051.561 đồng (*Hai triệu, không trăm năm mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi một đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 1.709.954 đồng (*Một triệu, bảy trăm lẻ chín nghìn, chín trăm năm mươi tư đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007091 ngày 12/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/12/2021); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Anh Đức**